

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2020/KDTM - PT .
Ngày : 22/12/2020
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Đinh Thị Tuyết Mai –
Kiểm sát viên***

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 227/2020/TLPT - KDTM ngày 4 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2020/ KDTM – ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân Huyện ĐA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 652/2020/QĐPT – KDTM ngày 26 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 666/QĐ-PT ngày 09/12/2020 giữa các đương sự :

***Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn một thành viên DK
(gọi tắt DK)***

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 THĐ, phường CN, Quận HK , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị H , ông Nguyễn Việt L
(Giấy uỷ quyền số 68/2020/UQ-GĐPĐA ngày 3/12/2020)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B sinh năm 1965

Bà Trần Thị Th sinh năm 1962

Cùng trú tại: XT , xã UN , huyện ĐA , Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Th : Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1993
(Giấy uỷ quyền số 4061/2020/GUQ ngày 8/12/2020)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn B sinh năm 1989.
- Anh Nguyễn Văn N sinh năm 1986
- Anh Nguyễn Văn V sinh năm 1995
- Chị Dương Thị M sinh năm 1986
- Cháu Nguyễn Bình A sinh năm 2007
- Cháu Nguyễn Ngọc Khánh Ph sinh năm 2015

Cháu A, cháu Pdo anh N, chị M đại diện hợp pháp)

Cùng trú tại: XT , xã UN , huyện ĐA , thành phố Hà Nội

Ông L, bà H, ông Đ có mặt, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019, các bản tự khai nguyên đơn trình bày:**

Ngày 08/7/2014, DK – Phòng giao dịch DK ĐA đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0169/2014/TLD/HĐTD và ký kết Khế ước nhận nợ số 0169/2014/TLD/KUNN01 ngày 08/7/2014 với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th , nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 900.000.000đồng(Chín trăm triệu đồng).
- Phương thức vay: Vay từng lần.
- Thời hạn vay : 12 tháng, từ ngày 05/02/2015 đến ngày 05/02/2016.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.
- Lãi suất vay: 13.5%/năm cho tháng đầu tiên. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng /lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của DK tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của DK từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải trả cho Ngân hàng phần lãi phát sinh, phần nợ gốc chưa trả, cụ thể tạm tính đến ngày 03/6/2019, gồm:

- + Nợ gốc quá hạn: 60.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 447.222 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 263.507.216 đồng.

Tổng cộng: 323.951.438 đồng.

Sau đó, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông B , bà Th đã trả cho Ngân hàng hết số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng.

Nay, DK yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải trả số tiền lãi tính đến ngày 26/6/2020 là: 264.352.485 đồng, gồm:

+ Nợ lãi trong hạn: 447.222 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 263.905.263 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì DK có yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 96 có địa chỉ: XT , xã UN , huyện ĐA , thành phố Hà Nội.Theo“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273152 do Ủy ban nhân dân huyện ĐA , thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/1999, số vào sổ cấp GCN: 0625.QSDD/TC-UN mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn B .

Trường hợp sau khi xử lý tài sản trên không đủ thanh toán khoản vay, thì ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết khoản vay.

* **Bị đơn trình bày:** Nhất trí với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của DK về toàn bộ quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp giữa ông B , bà Th và Ngân hàng, đến nay chỉ còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 29/4/2020 là: 264.352.485 đồng tiền lãi.Do hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, nên ông B , bà Th đề nghị Ngân hàng cho trả 50.000.000 đồng tiền nợ lãi, còn lại xin Ngân hàng miễn giảm hết cho ông B , bà Th .

Hiện nay trên tài sản thế chấp đang sinh sống gồm các nhân khẩu sau: Ông Nguyễn Văn B , bà Trần Thị Th , anh Nguyễn Văn Nam, anh Nguyễn Văn V, chị Dương Thị M, cháu Nguyễn Bình A, cháu Nguyễn Ngọc Khánh Ph. Ngoài ra không còn ai khác.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Đối với các con của ông B , bà Th , Tòa án cùng chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà để ghi lời khai nhưng họ đều không có mặt ở nhà, không cung cấp ý kiến, quan điểm gì.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2020/KDTM-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân quận TH đã quyết định như sau:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DK đối với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DK tổng số tiền lãi còn nợ là 264.352.485 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng).

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DK có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 96 có địa chỉ: XT , xã UN , huyện ĐA , thành phố Hà Nội. Theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273152 do Ủy ban nhân dân huyện ĐA cấp ngày 20/12/1999, số vào sổ cấp GCN: 0625.QSDD/TC-UN mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn B .

4.Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí Toàn Cầu.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 06/7/2020, bà Trần Thị Th kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày : Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi theo nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ thì ngân hàng có quyền kê biên toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số

96 có địa chỉ: XT , xã UN , huyện ĐA , thành phố Hà Nội. Theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273152 do Ủy ban nhân dân huyện ĐA cấp ngày 20/12/1999, số vào sổ cấp GCN: 0625.QSDD/TC-UN mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn B .

Bị đơn trình bày : Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Về nợ gốc, bị đơn đã thanh toán hết. Về lãi, đề nghị Ngân hàng miễn giảm nợ lãi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung : Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ , kết quả tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng :** Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Th trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- **Về nội dung:**

* *Về nợ gốc, lãi trong hạn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định bà Th , ông B đã trả hết nợ gốc, không tranh chấp về số tiền lãi trong hạn, các đương sự không kháng cáo đối với nội dung trên nên không xem xét.

* *Về lãi suất quá hạn :*

Ngày 08/7/2014, DK và ông B , bà Th đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0169/2014/TLD/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 0169/2014/TLD/KUNN01 ngày 08/7/2014, thấy rằng hai bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

Điều 3 Hợp đồng tín dụng quy định : “*Lãi suất 13,5%/năm, lãi suất thả nổi 1 tháng /lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ theo quy định của DK tại thời điểm điều chỉnh*”.

Tại cấp phúc thẩm, DK đã xuất trình các Quyết định điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ. Căn cứ vào các Quyết định điều chỉnh lãi suất do Ngân hàng cung cấp, thể

hiện: Từ năm 2014 đến nay, DK đã nhiều lần điều chỉnh lãi suất bằng các thông báo của DK về việc điều chỉnh lãi suất. Theo các Quyết định số: 1552/QĐ-TGD ngày 31/7/2014; 1872/2014/QĐ-TGD ngày 29/10/2014, 867/2016/QĐ-TGD ngày 21/11/2016; 1027/2016/QĐ-TGD ngày 23/12/2016; 341/2017/QĐ-TGD ngày 17/04/2017; 1003/2017/QĐ-TGD ngày 16/10/2017; 26/2018/QĐ-TGD ngày 09/01/2018; 228/2018/QĐ-TGD ngày 29/3/2018; 89/2019/QĐ-TGD ngày 28/01/2019; 997/2019/QĐ-TGD ngày 13/9/2019; 78/2020/QĐ-TGD ngày 03/2/2020; 1117/2020/QĐ-TGD ngày 13/10/2020 của Tổng Giám đốc DK thì mức lãi suất có sự thay đổi, tuy nhiên mức lãi suất cao hơn so với sự thoả thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng. Cụ thể DK áp dụng mức lãi suất 13,5% giảm xuống 11,5% , tuy nhiên theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất và biểu lãi suất do DK xuất trình thể hiện mức lãi suất tiết kiệm 12 tháng dao động từ 6,8% đến 7,4% cộng với biên độ 3% theo Hợp đồng thì mức lãi suất sẽ dao động từ 9,8% đến 10,4%, do vậy việc DK áp mức lãi suất 11,5% từ 5/5/2015 đến nay là chưa phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải điều chỉnh lại mức lãi suất quá hạn đối với bị đơn cho phù hợp quy định của pháp luật, cụ thể: Nợ lãi trong hạn là: 447.222 đồng, nợ lãi quá hạn sau khi điều chỉnh là 234.870.135 đồng. Tổng nợ lãi trong hạn và quá hạn là 235.317.357 đồng.

+ Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp:

Ngày 07/7/2014 tại Văn phòng công chứng Hà Anh, hộ ông Nguyễn Văn B gồm có: Ông Nguyễn Văn B , bà Trần Thị Th , anh Nguyễn Văn Bắc, anh Nguyễn Văn Vượng, anh Nguyễn Văn N và DK đã ký hợp đồng thế chấp, theo đó, hộ ông B đã đồng ý lấy tài sản của mình là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 96 có địa chỉ: XT , xã UN , huyện ĐA , thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273152 do ngày 20/12/1999 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn B để đảm bảo cho khoản vay của ông B , bà Th .

Thấy rằng , các bên ký kết hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 114, 115 Luật nhà ở năm 2005 và Điều 106 luật Đất đai năm 2003, được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và các quy định của pháp luật có liên quan, nên phát sinh hiệu lực, do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của

Ngân hàng trong trường hợp nếu Công ty không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với pháp luật, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th về việc không đồng ý xử lý tài sản đảm bảo. Trường hợp sau khi phát mại, số tiền phát mại lớn hơn số tiền nợ cần phải trả thì DK phải trả lại cho hộ ông B . Từ những phân tích trên, thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Th , sửa án sơ thẩm về số tiền lãi.

* Về án phí : Do sửa án sơ thẩm liên quan đến kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 342, 343, 351, 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Điều 114, 115 Luật nhà ở năm 2005 và Điều 106 luật Đất đai năm 2003

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điều 147, điều 148, khoản 1 điều 161, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 ,Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 , Khoản 6 điều 12 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 điều 26 khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Th .

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2020/KDTM-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐA và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DK đối với ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DK tổng số tiền lãi còn nợ

là 235.317.357 (Hai trăm ba mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng) trong đó nợ lãi trong hạn là 447.222 đồng và nợ lãi quá hạn là 234.870.135 đồng.

3. Trường hợp ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DK có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 96 có địa chỉ: XT, xã UN, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 273152 do Ủy ban nhân dân huyện ĐA cấp ngày 20/12/1999, sổ vào sổ cấp GCN: 0625.QSDD/TC-UN mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn B.

Trường hợp sau khi phát mại số tiền thu được lớn hơn số nợ phải trả thì Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên DK phải trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn B.

4/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Th phải chịu 11.743.507 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được trừ đi số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 16476 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố Hà Nội, còn phải nộp 9.743.507 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại TNHH Một thành viên DK 8.098.000 đã nộp theo biên lai số 15077 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 22/12/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án ND H. ĐA
- Chi cục THADS H. ĐA ;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh